

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20A/2025/DS - ST
Ngày: 10 - 6 - 2025
“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG -TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trọng Ích .

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về kiện đòi lại tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST – TCDS ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt bà L; vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày: Do có quan hệ quen biết với chị H, bà có cho chị H vay số tiền, vàng cụ thể như sau: Ngày 19/5/2018 âm lịch, cho vay 05 chỉ vàng 9999; ngày 20/6/2018 âm lịch, cho vay 03 chỉ vàng 9999; ngày 02/7/2018 âm lịch cho vay 12 triệu đồng; ngày 08/7/2018 âm lịch cho vay 07 triệu; ngày 04/8/2018 âm lịch cho vay 12 triệu đồng; ngày 10/8/2018 âm lịch cho vay 20 triệu đồng. Tổng

số là 08 chỉ vàng và 56.000.000 đồng. Việc vay nợ hai bên có thoả thuận và có giấy cam kết trả nợ do chị H viết với nội dung “ ngày 12/11/2024 giấy cam kết trả nợ. Tên tôi là Dương Thị H , đội 3 Đông Tỉnh, H cháu có vay của cô Nguyễn Thị L ở đội A, thôn Đ, xã N số tiền là 55.000.000 và chỉ vàng cô cho cháu trả dần hai tháng 1 lần cháu hứa sẽ trả đầy đủ nếu không cô sẽ nhờ công an lấy giúp. Người cam kết Dương Thị H”. Kể từ khi vay chị H mới trả cho bà được số tiền là 12.720.000 đồng. Việc vay nợ này chồng của bà L là ông Phạm Văn T, chồng chị H là anh Đinh Văn T1 đều không được biết và không liên quan gì. Kể từ khi ký cam kết đến nay bà L đã nhiều lần đòi nợ nhưng chị H không trả. Nay bà L yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị H phải trả số tiền còn nợ là 42.280.000 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và 08 chỉ vàng, tương đương 85.040.000đ Tổng số tiền là 127.320.000đ Bà Lê K yêu cầu chị H trả tiền lãi vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Dương Thị H vắng mặt nhưng có lời trình bày: Chị H công nhận có vay của bà L tổng số tiền 55.000.000 đồng và 08 chỉ vàng. Chị H đã trả cho bà L tổng số tiền là 12.720.000 đồng. Hiện chị H còn nợ bà L số tiền 42.280.000 đồng và 08 chỉ vàng. Chị H có ý định trả cho bà Lê M tháng 01 triệu đồng nhưng bà L không đồng ý. Hiện gia đình chị đang khó khăn nên chị mong muốn được trả dần.

Qua xác minh tại tiệm V tại thị trấn L huyện N giá vàng loại 24k (vàng 9999) ngày 10/6/2025 giá mua vào là 10630.000đ/chỉ, giá bán ra là 10720.000đ/chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L: Buộc chị Dương Thị H có trách nhiệm trả cho bà L số tiền phải trả số tiền còn nợ là 42.280.000 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và 08 chỉ vàng 9999 (vàng quy ra tiền theo giá thị trường tại thời điểm hiện tại), chị H không phải trả lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bị đơn chị Dương Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp kiện đòi lại tài sản đối với chị H, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng đã có đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay xác định: trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2018 chị H có vay tiền và vàng của bà L và đến tháng 11/2024 chị H có viết giấy cam kết trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định việc vay nợ là đúng và không có ai yêu cầu xác định thời hiệu. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê khởi K1 yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chị Dương Thị H trả lại cho mình số tiền, vàng đã vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giải quyết là “tranh chấp đòi lại tài sản cho vay” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự và áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Dựa trên mối quan hệ quen biết với nhau nên bà L có cho chị H vay 7 lần với tổng số tiền là 55.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 9999. Việc vay mượn có viết giấy vay nợ. Chị H cũng thừa nhận có vay của bà L với số tiền 55.000.000 đồng và 08 chỉ vàng. Chị H đã trả cho bà L số tiền 12.720.000 đồng, hiện còn nợ bà L số tiền 42.280.000 đồng và 08 chỉ vàng 9999. Chị H xin trả dần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Như vậy việc vay nợ giữa chị H và bà Lê L1 có thật, đúng quy định của pháp luật. Sau khi vay, chị H đã ký cam kết trả nợ nhưng đến hạn như cam kết chị H đã không thực hiện như vậy vi phạm nghĩa vụ trả nợ, trong quá trình giải quyết vụ án chị H xin trả dần. Bà L không chấp nhận phương án trả nợ của chị H, yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả lại cho bà số tiền 42.280.000 đồng và 08 chỉ vàng 9999 tương đương 85.040.000đ mà chị H còn nợ và không yêu cầu trả lãi.

Xét yêu cầu của bà Lê B chị H phải trả lại cho bà số tiền 42.280.000 đồng và 08 chỉ vàng 9999 tương đương 85.040.000đ tổng thành tiền là 127.320.000đ thấy có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà L về không tính lãi thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Bà L xác định việc vay nợ này không liên quan đến chồng bà là ông Phạm Văn T, chồng chị H là anh Đinh Văn T1 và việc vay nợ này chỉ diễn ra giữa bà L và chị H nên xác định ông Phạm Văn T, anh Đinh Văn T1 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn chị H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L: Buộc chị Dương Thị H trả cho bà L tổng số tiền là 127.320.000đ. (một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị H chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị H phải nộp 6.366.000đ (sáu triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê C quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Châu, xã Hoàng Nam;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích